

Bản án số: 135/2022/HS-PT

Ngày 27 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Thanh Nữ;
Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Hồ Ngọc C và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 210/2021/HS-ST ngày 24-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hồ Ngọc C, sinh năm 1994 tại Quảng Nam; Căn cước công dân số: 04909400529x, cấp ngày 01-9-2021; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc S và bà Võ Thị V; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23-12-2020 đến ngày 03-6-2021; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Xuân M (tên gọi khác: H), sinh năm 1998 tại Quảng Nam; nơi đăng ký thường trú: Thôn R, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Hồ Xuân L và bà Nguyễn Thị H; có vợ tên Nguyễn Hồng A và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23-12-2020 đến ngày 03-6-2021; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Hoàng N, sinh năm 2001 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27232920x do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14-7-2017; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng K và bà Hồ Kim T; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 22-01-2021; hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Đức T, sinh năm 2001 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27284742x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01-8-2016; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp Y, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thúy H; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23-12-2020 đến ngày 26-5-2021; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

5. Huỳnh Văn T, sinh năm 2001 tại Quảng Nam; Căn cước công dân số: 04920101057x, cấp ngày 10-6-2021; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ H, Ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hiệp S và bà Nguyễn Thị Kim H; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23-12-2020 đến ngày 24-5-2021; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

6. Hồ Hải N (tên gọi khác: Tý N), sinh năm 1998 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07509801291x, cấp ngày 10-8-2021; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Minh C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim S; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23-12-2020 đến ngày 26-5-2021; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

7. Hồ Ngọc Tr, sinh năm 2000 tại Quảng Nam; Căn cước công dân số: 07520001137x, cấp ngày 10-8-2021; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ K, Ấp Y, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc C và bà Nguyễn Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 22-01-2021 đến ngày 28-5-2021; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Minh Ch, sinh năm 1996 tại Quảng Nam; Giấy chứng minh nhân dân số: 20592810x, do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 26-7-2018; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T và bà Tăng Thị P; có vợ tên Nguyễn Thị L và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

9. Phạm Minh C, sinh năm 1993 tại Quảng Nam; Giấy chứng minh nhân dân số: 20569601x, do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14-6-2014; nơi đăng ký thường trú: Thôn Tứ T, xã Quế Lâm, huyện Nông S, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T và bà Tăng Thị P; có vợ tên Trần Thị Tuyết T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Trường H (tên gọi khác: T), sinh năm 1990 tại Quảng Nam; Giấy chứng minh nhân dân số: 20569689x, do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22-6-2017; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Đầu bếp; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Trần Thị M; có vợ tên Trần Thị Kim C và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 04 bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 20/12/2020, Hồ Ngọc C, Huỳnh Văn T và Vũ Đức T, đi dự tiệc sinh nhật tại quán “Mộc”, thuộc Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Văn C gọi điện thoại cho Hồ Ngọc C, nói có người đòi đánh Nguyễn Văn C và nhờ Hồ Ngọc C đứng ra hòa giải, Hồ Ngọc C đồng ý và rủ Huỳnh Văn T cùng Vũ Đức T đi cùng. Trên đường đi, Hồ Ngọc C ghé nhà lấy 01 cây rựa dài khoảng 80 cm cầm theo. Khi đến nhà của anh Cao Văn V (Ấp E, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai), Hồ Ngọc C thấy có 04 người thanh niên (không rõ lai lịch), Hồ Ngọc C đi vào trong và yêu cầu người đòi đánh Nguyễn Văn C ra nói chuyện; những người này không đồng ý nói chuyện nên Hồ Ngọc C và cả nhóm đi về. Trên đường về, Hồ Ngọc C ghé nhà cất 01 cái rựa đã cầm theo và tiếp tục đến quán “Mộc” dự tiệc sinh nhật.

Sau khi Hồ Ngọc C cùng bạn bỏ đi, Phạm Minh Ch đến nhà anh Cao Văn V để chơi và nghe nói lại sự việc Hồ Ngọc C đến tìm người đánh. Ch gọi điện thoại cho Hồ Ngọc C, nói C quay lại nhà anh V để nói chuyện. Hồ Ngọc C nghe điện thoại của Ch xong, thì rủ Hồ Xuân M, Đặng Hoàng L, Hồ Ngọc Tr, Trần Hoàng N, Huỳnh Văn T và Vũ Đức T, cùng đến nhà anh V, gặp Ch, để giải quyết mâu thuẫn và tất cả đều đồng ý. Trên đường đi, Hồ Ngọc C về nhà lấy 01 cây rựa dài khoảng 80 cm, Vũ Đức T về nhà lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 50 cm cầm theo. Khi đến nhà anh V, cả nhóm dừng xe ngoài cổng và đi bộ vào; trên đường đi, Tr nhặt và cầm theo 02 cục gạch. Khi Hồ Ngọc C và Ch nói chuyện thì C và Ch phát sinh mâu thuẫn xảy ra xô xát; thấy vậy, Tr cầm viên gạch đập 01 cái vào đầu Ch gây thương tích; lúc này, có người can ngăn nên C cùng cả nhóm đi về quán “Mộc” tiếp tục dự tiệc sinh nhật.

Sau khi bị đánh, Ch được đưa đến Trạm Y tế xã T, để băng bó vết thương, Phạm Minh Y và Phạm Minh C (là anh em ruột của Ch) biết Ch bị đánh, nên Y cầm theo 01 con dao dài khoảng 40 cm cùng Phạm Minh C đi tìm người đánh Ch, để đánh lại. Phạm Minh Y biết Hồ Xuân M là người tham gia đánh Ch nên tìm đến nhà M; lúc này, M không có ở nhà; thấy có người cầm dao đến nhà tìm M, nên người nhà của M gọi điện thoại nói cho M biết. M nghe điện thoại xong thì rủ Hồ Ngọc C đi tìm, để đánh người cầm dao đến nhà M và được C đồng ý; lúc này, Vũ Đức T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Nhật P, Đặng Hoàng L, Hồ Hải N, Nguyễn Ngọc T, Hồ Ngọc Tr và Trần Hoàng N, đang dự sinh nhật cùng M; nghe thấy, biết M và C đi tìm người để đánh nên đi cùng. M điều khiển xe mô tô

biển số 60B9-280.1x, P điều khiển xe mô tô biển số 60G1-121.2x và Hồ Đức T điều khiển xe mô tô biển số 60C1-976.8x, tất cả 10 người đi trên 03 xe mô tô, cùng đến nhà M thì biết người cầm dao đến nhà đã bỏ đi. M nghi là Ch, nên tất cả đi đến nhà Ch thì được biết Ch đã đến Trạm Y tế xã T điều trị vết thương, nên cả nhóm cùng đi đến Trạm Y tế xã T, để tìm Ch. Khi đến Trạm Y tế, nhóm của M dựng xe ngoài đường và đi bộ vào bên trong; khi gặp Ch, M hỏi: *“Mới đây mày có cầm dao xông vào nhà tao không?”*, Ch trả lời: *“Tao không vào nhà mày, chắc anh của tao vào nhà mày”*, M hỏi: *“Anh mày thằng nào?”*, Ch nói: *“Anh tao tên Tèo”*.

Cùng lúc này, Phạm Minh C (anh ruột của Ch) và Nguyễn Trường H (bạn của Phạm Minh C) biết Ch bị đánh đang ở Trạm Y tế xã T, để điều trị vết thương, nên cùng nhau đến. Khi đến Trạm Y tế xã T, Phạm Minh C thấy nhóm người của M, nên hỏi: *“Lúc này, thằng nào đánh em tao?”*, N nói: *“Tao đánh”* thì Phạm Minh C dùng tay nắm vào người N, 02 bên xảy ra xô xát, đánh nhau trong Trạm Y tế xã T. Phạm Minh C lấy 01 cái kéo và 01 cái pen của nhân viên y tế; Ch lấy 01 cái cân và 01 dụng cụ dùng hút rác bằng sắt; Nguyễn Đức T lấy 01 cái cân của Trạm Y tế, sử dụng đánh nhau. Nhóm của Ch gồm: Ch, Phạm Minh C và Nguyễn Trường H, đuổi đánh nhóm của M từ trong khu vực cấp cứu của Trạm Y tế ra ngoài sân.

Phạm Minh Y sau khi cầm dao đến nhà M nhưng không có M ở nhà thì đi đến Trạm Y tế xã T, Y nhìn thấy đang đánh nhau nên Y cầm dao đuổi chém nhóm của M. Do bị đánh trả, nên Y ném con dao về phía nhóm người của M nhưng không trúng; còn nhóm của M dùng gạch, đá ném lại nhóm người của Ch và bỏ đi. Khoảng 5 phút sau, nhóm người của M quay lại Trạm Y tế xã T sử dụng gạch, đá nhật tại hiện trường, còn L sử dụng cây ba chĩa, Vũ Đức T sử dụng dao tự chế và súng bắn bi để đánh lại nhóm người của Ch.

Lúc này, ông Phạm T (là cha ruột của Ch, Phạm Minh C và Y) đi đến, nhìn thấy đánh nhau nên can ngăn thì bị Hồ Ngọc C, Hồ Xuân M, Vũ Đức T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Nhật P, Đặng Hoàng L, Hồ Hải N, Nguyễn Ngọc T, Hồ Ngọc Tr và Trần Hoàng N, đánh gây thương tích ở vùng đầu và tay trái. Trong khi nhóm của M và Ch đánh nhau, Vũ Đức T sử dụng súng bắn bi bằng khí nén bắn 04 phát cảnh cáo. Gây án xong M cùng đồng phạm bỏ trốn, ông Phạm T được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa khu vực L.

2. Giám định:

1/ Bản kết luận giám định pháp y số: 1211/TgT/2020 ngày 31/12/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai, giám định tỷ lệ thương tích đối với Phạm T, kết luận:

- Vết thương vùng trán phải kích thước 04 x 0,4 cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 06%; Vết thương vùng cằm trái kích thước 04 x 0,3 cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%; Vết thương cẳng tay trái kích thước 1,5 x 01 cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%; Vết thương cổ tay trái kích thước 04 x 0,3cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm T (Áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư) là: 12% (mười hai phần trăm). Vật gây thương tích là vật tày có cạnh.

2/ Bản kết luận giám định pháp y số: 1213/TgT/2020 ngày 31/12/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai, giám định tỷ lệ thương tích đối với Phạm Minh Ch kết luận:

- Vết thương đỉnh kích thước 04 x 0,2 cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 01%.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm Minh Ch (Áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư) là: 01% (một phần trăm). Vật gây thương tích là vật tày có cạnh.

3/ Bản kết luận giám định số: 548C09B ngày 26/01/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, giám định 01 khẩu súng do Hồ Xuân M giao nộp, kết luận:

- Khẩu súng ngắn gửi giám định là đồ chơi nguy hiểm, không phải súng quân dụng. Súng sử dụng bình khí nén lắp trong hộp tiếp đạn để bắn đạn hình tròn, đường kính 6 mm.

- 04 (bốn) viên bi bằng kim loại màu trắng, đường kính 6 mm là đạn sử dụng để bắn được cho khẩu súng nêu trên.

- Sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn đạn hình cầu đường kính 6mm đến cơ thể người có thể gây thương tích.

3. *Vật chứng:*

- 01 khẩu súng bắn bi sắt bằng hơi ga;
- 04 viên gạch ống bị bể một phần; 01 cục bê tông (xà bần);
- 04 viên bi sắt màu trắng đường kính 06 mm;
- 03 xe mô tô biển số: 60G1-121.2x, 60B9-280.1x, 60C1-976.8x;
- 01 cân đồng hồ loại 20 kg, 01 cân đồng hồ loại 30 kg.

4. Dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại ông Phạm T đã được gia đình của các bị cáo bồi thường 30.000.000 đồng. Ông Phạm T không còn yêu cầu nào khác và có đơn “bãi nại” cho các bị cáo.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 210/2021/HS-ST ngày 24-12-2021 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 03/2022/TB-TA ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện L, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố các bị cáo: Hồ Ngọc C, Hồ Xuân M, Vũ Đức T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Nhật P, Đặng Hoàng L, Hồ Hải N, Nguyễn Ngọc T, Hồ Ngọc Tr và Trần Hoàng N phạm tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt các bị cáo Hồ Ngọc C và Hồ Xuân M, mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù.

- Xử phạt các bị cáo Vũ Đức T, Huỳnh Văn T, Đặng Hoàng L, Hồ Hải N, Hồ Ngọc Tr và Trần Hoàng N, mỗi bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Nhật P và Nguyễn Ngọc T, mỗi bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Tuyên bố các bị cáo: Phạm Minh C, Phạm Minh Ch, Phạm Minh Y và Nguyễn Trường H, phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt các bị cáo Phạm Minh C, Phạm Minh Ch và Nguyễn Trường H, mỗi bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh Y 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc thi hành án treo, biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

6. Kháng cáo:

- Ngày 24-12-2021, bị cáo Trần Hoàng N kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 25-12-2021, các bị cáo Phạm Minh C, Phạm Minh Ch, Nguyễn Trường H, kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 04-01-2022, các bị cáo Huỳnh Văn T, Hồ Hải N, Hồ Ngọc C, Hồ Ngọc Tr, Vũ Đức T và Hồ Xuân M, kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

7. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Huỳnh Văn T, Hồ Hải N, Hồ Ngọc C, Hồ Ngọc Tr, Vũ Đức T, Hồ Xuân M và Trần Hoàng N phạm tội “Cố ý gây thương tích”, theo điểm đ khoản 2 Điều 134; các bị cáo Phạm Minh C, Phạm Minh Ch và Nguyễn Trường H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội; đồng thời, hình phạt của cấp sơ thẩm đối với các bị cáo là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về lý lịch bị cáo:

- Theo xác nhận của Công an xã T, các bị cáo theo bản án sơ thẩm ghi là Ấp U, xã T, huyện L, nay là Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bản án sơ thẩm xác định ngày bắt tạm giam của một số bị cáo chưa chính xác, cụ thể:

+ Bị cáo Trần Hoàng N bị bắt tạm giam từ ngày 22-01-2021 cho đến nay (bút lục số 172);

+ Bị cáo Hồ Ngọc Tr bị bắt tạm giam từ ngày 22-01-2021 đến ngày 28-5-2021 (bút lục số 165);

Từ những nội dung trên, điều chỉnh lại bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo có kháng cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

- Các bị cáo Hồ Ngọc C, Hồ Xuân M, Trần Hoàng N, Vũ Đức T, Huỳnh Văn T, Hồ Hải N và Hồ Ngọc Tr (cùng với các bị cáo không có kháng cáo Nguyễn Nhật P, Đặng Hoàng L và Nguyễn Ngọc T): Có hành vi dùng hung khí nguy hiểm và tham gia đánh nhau gây thương tích cho ông Phạm T với tỷ lệ thương tích 12%. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

- Các bị cáo Phạm Minh C, Phạm Minh Ch, Phạm Minh Y (không kháng cáo) và Nguyễn Trường H: Có hành vi dùng các vật dụng của Trạm Y tế xã T, để đánh nhau, gây hư hỏng và thiệt hại đến tài sản của Trạm Y tế, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[3] Về kháng cáo:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng cho các bị cáo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, các bị cáo Hồ Ngọc C, Hồ Xuân M, Vũ Đức T, Huỳnh Văn T, Hồ Hải N, Hồ Ngọc Tr và Trần Hoàng N đã bồi thường thiệt hại và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt; do đó, áp dụng cho các bị cáo điểm b khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm:

+ Các bị cáo Hồ Ngọc T, Hồ Hải N, Phạm Minh C, Phạm Minh Ch và Nguyễn Trường H cung cấp đơn, có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện các bị cáo là lao động chính, phải chăm sóc, nuôi dưỡng người thân phụ thuộc, gia đình có hoàn cảnh khó khăn;

+ Bị cáo Huỳnh Văn T là cháu của bà Lê Thị Q (Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng được truy tặng danh hiệu ngày 27-8-1995);

+ Bị cáo Hồ Hải N có cha (ông Hồ Minh Ch) tham gia quân đội, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương; bị cáo có ông ngoại tên Nguyễn Nha tham gia cách mạng, là đối tượng chính sách tù đầy, đang hưởng trợ cấp tại địa phương.

- Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm một số bị cáo đã có nộp các tài liệu sau đây nhưng chưa được xem xét, cụ thể:

+ Bị cáo Hồ Ngọc C, Vũ Đức T và Hồ Xuân M cung cấp đơn, có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện các bị cáo là lao động chính, phải chăm sóc, nuôi dưỡng người thân phụ thuộc, gia đình có hoàn cảnh khó khăn;

+ Bị cáo Hồ Xuân M có ông bà nội Hồ N - Nguyễn Thị L là người có công với cách mạng, cha mẹ của Liệt Sĩ và là thương binh (bút lục số 480);

Áp dụng cho các bị cáo nêu trên khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Về hình phạt:

Các bị cáo trong vụ án đều có tuổi đời rất trẻ, có nhân thân tốt, phạm tội đồng phạm giản đơn và bộc phát nhất thời, hình phạt của cấp sơ thẩm đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc. Chỉ cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo có vai trò chính, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung; các bị cáo có vai trò thấp hơn cần có sự đánh giá và xử lý phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Cùng với tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo và quyết định như sau:

- Giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Hồ Ngọc C, Hồ Xuân M, Trần Hoàng N, Vũ Đức T và Phạm Minh Ch;

- Áp dụng Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao, giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo: Huỳnh Văn T, Hồ Hải N, Hồ Ngọc Tr, Phạm Minh C và Nguyễn Trường H.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Hồ Ngọc C, Hồ Xuân M, Vũ Đức T, Trần Hoàng N và Phạm Công Ch;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn T, Hồ Hải N, Hồ Ngọc Tr, Phạm Minh C và Nguyễn Trường H.

Sửa một phần về hình phạt do khách quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 210/2021/HS-ST ngày 24-12-2021 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 03/2022/TB-TA ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Đối với các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ người bị kết án Hồ Ngọc C vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 23-12-2020 đến ngày 03-6-2021.

- Xử phạt bị cáo Hồ Xuân M 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày người bị kết án Hồ Xuân M vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 23-12-2020 đến ngày 03-6-2021.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày người bị kết án Vũ Đức T vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 23-12-2020 đến ngày 26-5-2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Hoàng N 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22-01-2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 27-4-2022.

- Xử phạt bị cáo Hồ Hải N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 27-4-2022.

- Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 27-4-2022.

1.2. Đối với các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh Ch 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày người bị kết án Phạm Minh Ch vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 27-4-2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 27-4-2022.

1.3. Thi hành án treo:

Giao các bị cáo Huỳnh Văn T, Hồ Hải N, Hồ Ngọc Tr, Phạm Minh C và Nguyễn Trường H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự; trường hợp cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo, phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí:

Các bị cáo Hồ Ngọc C, Hồ Xuân M, Vũ Đức T, Trần Hoàng N, Huỳnh Văn T, Hồ Hải N, Hồ Ngọc Tr, Phạm Công Ch, Phạm Minh C và Nguyễn Trường H, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện L;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện L;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Phòng Hồ sơ - Công an các tỉnh Đồng Nai và Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành